

Quan điểm biện chứng về chất và lượng

Nguyễn Ngọc Hà*

Tóm tắt: Quan điểm biện chứng về chất và lượng được thể hiện ở quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại (quy luật lượng-chất). Theo quan điểm đó, chất và lượng tồn tại thống nhất với nhau ở sự vật, mỗi sự vật đều có nhiều chất và nhiều lượng, mỗi chất có một độ xác định về lượng, cách thức thay đổi về chất là nhảy vọt, còn cách thức thay đổi về lượng là dần dần, sự thay đổi về lượng sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về chất khi lượng đạt đến giới hạn lớn nhất hoặc nhỏ nhất, sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về lượng. Quan điểm biện chứng về chất và lượng có nội dung đơn giản. Ai cũng có thể dễ dàng nhận thức và vận dụng được quan điểm ấy trong hoạt động nhận thức của mình.

Từ khóa: Biện chứng; chất; lượng; quy luật.

1. Mở đầu

Quy luật chuyển hóa từ những sự thay đổi về lượng thành những sự thay đổi về chất và ngược lại là một trong ba quy luật cơ bản của phép biện chứng. Hêgen là người đầu tiên trong triết học phương Tây nêu ra quy luật đó (dưới hình thức duy tâm khách quan) [4, tr.268 - 341]. Trong triết học Trung Quốc cổ đại cũng đã có tư tưởng về các quy luật của phép biện chứng nói chung và quy luật lượng-chất nói riêng [4]. Quy luật lượng-chất được Ph.Ăngghen luận chứng thông qua nhiều ví dụ trong các tác phẩm *Biện chứng tự nhiên* và *Chống Duyrinh* [2, tr.179 - 184, 510 - 518]. Ở Việt Nam quy luật lượng-chất được giới thiệu chủ yếu trong các sách giáo khoa về phép biện chứng. Tuy nhiên, việc trình bày quy luật lượng-chất vẫn chưa đơn giản và dễ hiểu; thậm chí một số nội dung của quy luật này vẫn còn có những cách hiểu khác nhau.

Nói đến quy luật lượng-chất là nói đến quan điểm biện chứng về chất và lượng. Bài viết này góp thêm một số ý kiến trong việc nhận thức và trình bày quan điểm biện chứng về chất và lượng.

2. Các khái niệm chất và lượng

Chất và lượng là hai khái niệm chung của nhận thức, chúng được sử dụng trong triết học và mọi khoa học. Trong các sách giáo khoa về phép biện chứng đã có nhiều định nghĩa về các khái niệm chất và lượng, trong đó có các định nghĩa sau: “Chất là phạm trù triết học dùng để chỉ tính quy định khách quan vốn có của sự vật, là sự thống nhất hữu cơ của những thuộc tính làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác”; “Lượng là phạm trù triết học dùng để chỉ

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam. ĐT: 0912179286.
Email: nguyennngochoa08@gmail.com

tính quy định vốn có của sự vật về mặt số lượng, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển cũng như các thuộc tính của sự vật” [1, tr.232, 235]; “Chất là tính quy định của một sự vật, khiến cho nó là sự vật này, chứ không phải là sự vật khác, và khác với các sự vật khác”; “Lượng là một tính quy định của một sự vật mà nhờ đó (trên thực tế hoặc trong tư duy), ta có thể phân chia nó thành những bộ phận cùng loại và có thể tập hợp các bộ phận đó lại làm một” [6, tr.81 - 82]. Theo các định nghĩa này, chất và lượng của một sự vật nào đó đều là thuộc tính (tính quy định, tính chất) của sự vật ấy. Tuy nhiên, ở các định nghĩa đó, việc giải thích về sự khác nhau giữa chất và lượng chưa rõ ràng. Bởi vì, không phải chỉ chất mà cả lượng của sự vật cũng làm “làm cho sự vật là nó chứ không phải là cái khác”, cũng “khiến cho nó là sự vật này, chứ không phải là sự vật khác, và khác với các sự vật khác”. Hơn nữa, vì cách nói “lượng là thuộc tính của sự vật về mặt số lượng” (hay chất là thuộc tính của sự vật về mặt chất lượng”) là trùng ý (tức là sự giải thích vòng quanh).

Khi sử dụng các khái niệm chất và lượng đương nhiên chúng ta cần xác định nghĩa của chúng. Tuy nhiên, không phải ai khi sử dụng các khái niệm chất và lượng đều giải thích nghĩa của chúng như các định nghĩa phức tạp như trên. Vậy cần xác định nghĩa của chất và lượng như thế nào cho đơn giản? Khi định nghĩa (giải thích về nghĩa) một khái niệm nào đó trước hết chúng ta cần quy nó vào khái niệm loại gần nhất, sau đó cần nêu ra những ví dụ cụ thể (ví dụ về nó và không phải về nó). Chẳng hạn, về khái niệm số tự nhiên chúng ta có thể định

nghĩa như sau: “Số tự nhiên là số thực. Ví dụ: 1, 2, 3... là số tự nhiên; 1/5, 2/3... không phải là số tự nhiên”. Tương tự như vậy, khi định nghĩa chất và lượng, trước hết chúng ta cần giải thích rằng chất và lượng (của sự vật) là thuộc tính (của sự vật). Tiếp theo chúng ta cần nêu ra một số ví dụ về chất và lượng, chẳng hạn có thể nêu ra các ví dụ sau. Ở mệnh đề “sự vật này là sắt, sự vật kia là đồng; sự vật này trắng, sự vật kia đen; sự vật này nóng, sự vật kia lạnh; sự vật này nặng, sự vật kia nhẹ”, thì sắt và đồng, trắng và đen, nóng và lạnh, nặng và nhẹ là các chất khác nhau. Ở mệnh đề “sự vật này nóng 40 độ C, sự vật kia nóng 50 độ C; sự vật này dài 5 m, sự vật kia dài 6 m; sự vật này nặng 10 kg, sự vật kia nặng 15 kg”, thì 40 độ C và 50 độ C, 5 m và 6 m, 10 kg và 15 kg là những lượng khác nhau.

Đưa ra một định nghĩa về một khái niệm nào đó không phải là nêu ra quan điểm về một vấn đề tranh luận, mà chỉ là giải thích (cho người khác) về nghĩa của khái niệm ấy (để tránh tình trạng hiểu lầm nhau trong việc sử dụng khái niệm). Quan điểm về một vấn đề nào đó có thể đúng hoặc sai; nhưng việc sử dụng một khái niệm nào đó theo nghĩa này hay nghĩa khác lại tùy thuộc từng người. Tuy nhiên, trước khi tranh luận về một vấn đề nào đó thì hai bên tranh luận cần có sự thống nhất trong việc sử dụng các khái niệm (để tránh tình trạng hiểu lầm nhau giống như câu tục ngữ “ông nói gà, bà nói vịt”). Khi những người biện chứng và những người siêu hình tranh luận nhau về chất và lượng, thì họ có sự thống nhất với nhau trong việc sử dụng nghĩa của các khái niệm chất và lượng. Tuy nhiên, quan điểm của họ về chất và lượng (về đặc điểm của

chất và lượng, về mối quan hệ giữa sự thay đổi về chất và sự thay đổi về lượng) là đối lập nhau. Vậy quan điểm biện chứng về chất và lượng là gì?

3. Quan điểm biện chứng về đặc điểm của chất và lượng

Với cách hiểu về chất và lượng như trên, người biện chứng cho rằng chất và lượng có các đặc điểm sau.

Thứ nhất, chất và lượng chỉ tồn tại ở sự vật. Chất và lượng là thuộc tính, mà thuộc tính là thuộc tính của sự vật, nên chất là chất của sự vật, lượng cũng là lượng của sự vật. Không có thuộc tính nào tồn tại ngoài sự vật, tương tự không có chất và lượng nào tồn tại ngoài sự vật, tức là không có chất và lượng nào mà không phải là chất và lượng của một sự vật nào đó. Chất và lượng đều là thuộc tính, hơn nữa đều là thuộc tính chung (chứ không phải là thuộc tính riêng). Điều đó có nghĩa rằng, khi một sự vật nào đó mất đi thì chỉ các thuộc tính riêng mới mất đi, còn các thuộc tính chung thì vẫn tồn tại (vẫn tồn tại ở các sự vật khác). Mỗi chất và mỗi lượng tuy tồn tại ở nhiều sự vật nhưng không mất đi khi một số sự vật nào đó mất đi. Bởi vì, chúng vẫn tồn tại ở các sự vật khác.

Thứ hai, chất và lượng thống nhất với nhau. Chất và lượng tuy là hai thuộc tính của mỗi sự vật nhưng thống nhất với nhau. Sự thống nhất giữa chất và lượng thể hiện ở chỗ, chất nào cũng có lượng, hơn nữa một chất có vô số lượng khác nhau, lượng nào cũng đều là lượng của một chất nào đó. Ví dụ: nặng là một thuộc tính về chất của một vật nào đó, nặng có nhiều mức độ khác

nhau về lượng (nặng 1 tấn, nặng 10 tấn...), mỗi mức độ nặng là một thuộc tính về lượng, 10 tấn là một mức độ về lượng của thuộc tính nặng, khi nói một vật nào đó là nặng thì chúng ta cần nói vật đó nặng ở mức độ nào về lượng, ngược lại, khi nói 10 tấn nặng thì điều đó có nghĩa là nói đến một mức độ về lượng của thuộc tính nặng. Tương tự như vậy, trắng là một thuộc tính chất của một vật nào đó, trắng có nhiều mức độ khác nhau về lượng (trắng ở độ 1, trắng ở độ 2...), mỗi mức độ trắng là một thuộc tính về lượng, khi nói trắng ở độ 1 thì điều đó có nghĩa là nói đến một mức độ về lượng của thuộc tính trắng.

Thứ ba, một sự vật có nhiều chất và nhiều lượng. Một sự vật không chỉ có một chất mà còn có nhiều chất. Ví dụ: ở mệnh đề “Mặt Trời là hình cầu, to, nặng, nóng”, thì Mặt Trời là một sự vật, còn hình cầu, to, nặng, nóng là 4 chất khác nhau của Mặt Trời. Ví dụ khác: ở mệnh đề “vật này là sắt, nóng, dẫn nhiệt, dẫn điện”, thì sắt, nóng, dẫn nhiệt, dẫn điện là 4 chất khác nhau của vật này. Vì một chất có vô số lượng khác nhau, mà một sự vật lại có nhiều chất cho nên một sự vật đương nhiên cũng có nhiều lượng khác nhau. Ví dụ nữa: ở mệnh đề “vật này dài 5 m, nặng 5 kg, nóng 50 độ C”, thì dài 5 m, nặng 5 kg, nóng 50 độ C là 3 lượng khác nhau (thuộc 3 chất khác nhau) của vật này.

Thứ tư, mỗi chất có một độ xác định về lượng. Mỗi thuộc tính về chất đều có vô số thuộc tính về lượng. Tuy nhiên, số thuộc tính về lượng nằm trong một giới hạn xác định. Lượng không thể nhiều đến mức độ

vô hạn (tức là không thể nhiều đến vô cùng) và cũng không thể nhỏ đến mức độ là 0. Lượng của một chất bất kỳ bao giờ cũng chỉ nhiều tối đa đến một số cụ thể nào đó (số n) và không thể nhỏ bằng 0 (vì nếu lượng của một chất nào đó bằng 0 thì điều đó có nghĩa rằng chất đó không có). Nói cách khác, bất kỳ lượng của một chất nào đó cũng chỉ nằm trong giới hạn xác định từ 0 đến n (n được biểu thị thành một số cụ thể tùy từng trường hợp cụ thể). Ví dụ: nặng và nhẹ là hai chất, nặng và nhẹ có nhiều mức độ khác nhau về lượng. Sự phân biệt giữa nặng và nhẹ được căn cứ tùy theo sự lựa chọn của chúng ta. Nếu coi vật nào có khối lượng từ 0 đến 0,1kg là nhẹ, trên 0,1kg là nặng, thì nặng không thể ít đến mức độ 0,1kg (tương đương nặng ở mức độ 0), vì vật nào có khối lượng 0,1kg (như đã giả định) là nhẹ. Nặng tối thiểu cũng phải hơn 0,1kg. Nặng có tối thiểu và cũng có tối đa. Vì không có sự vật nào nặng đến vô cùng. Ví dụ khác: nóng và lạnh là hai chất. Sự phân biệt giữa nóng và lạnh được căn cứ tùy theo sự lựa chọn của chúng ta. Nếu coi một vật có nhiệt độ trên 0 độ C là nóng thì mức độ lạnh tối thiểu là 0 độ C, mức độ lạnh tối đa là -273 độ C, mức độ nóng phải lớn hơn 0 độ C. Mức độ nóng tối đa là bao nhiêu? Hiện nay các nhà vật lý học chưa xác định được độ nóng tối đa. Nhưng điều chắc chắn rằng mức độ nóng tối đa là một số cụ thể (chứ không thể là vô cùng). Ví dụ nữa: bất bình đẳng thu nhập là một thuộc tính về chất của một quốc gia nào đó, bất bình đẳng thu nhập có nhiều mức độ khác nhau về lượng. Hệ số GINI được sử dụng để đo các mức độ bất bình đẳng thu nhập, gồm các số từ lớn hơn 0 đến

1. Hệ số GINI của một quốc gia bằng 0 có nghĩa rằng quốc gia đó không có sự bất bình đẳng thu nhập. Hệ số GINI bằng 1 có nghĩa rằng quốc gia đó bất bình đẳng thu nhập đến tối đa (không thể có bất bình đẳng thu nhập nhiều hơn nữa).

Thứ năm, cách thức thay đổi về chất là nhảy vọt (gián đoạn), còn cách thức thay đổi về lượng là dần dần (liên tục). Sự vật thay đổi (vận động) có nghĩa là, sự vật lúc này là thế này (có một thuộc tính nào đó) nhưng lúc sau không phải là thế ấy (không có thuộc tính ấy). Công thức chung của sự thay đổi là: sự vật S vào thời điểm T1 có thuộc tính A nhưng vào thời điểm T2 không có thuộc tính A. Ví dụ, một sự vật thay đổi từ nóng đến lạnh, từ nặng đến nhẹ, từ nóng 50 độ C đến nóng 60 độ C, từ nặng 1 tấn đến nặng 2 tấn... Do sự vật chỉ có hai loại thuộc tính là chất và lượng cho nên sự thay đổi của sự vật cũng chỉ gồm có sự thay đổi về chất và sự thay đổi về lượng. Sự thay đổi về chất diễn ra theo cách nhảy vọt (gián đoạn) vì chỉ có một lần thay đổi. Ví dụ, một sự vật từ nóng chỉ có thể thay đổi một lần đến lạnh, một sự vật từ lạnh chỉ có thể thay đổi một lần đến nóng. Sự thay đổi về lượng diễn ra theo cách dần dần (liên tục) vì có vô số lần thay đổi. Giữa hai thuộc tính về lượng bao giờ cũng có thuộc tính về lượng thứ ba trung gian. Ví dụ, một sự vật muốn thay đổi từ nóng ở 40 độ C đến nóng ở 42 độ C thì phải qua khâu trung gian là nóng ở 41 độ C; để thay đổi từ nóng ở 40 độ C đến nóng ở 41 độ C thì nó lại phải qua khâu trung gian là nóng ở 40,5 độ C; cứ như vậy đến vô cùng.

4. Quan điểm biện chứng về mối quan hệ giữa sự thay đổi về lượng với sự thay đổi về chất

Giữa sự thay đổi về lượng và sự thay đổi về chất có mối quan hệ với nhau. Mối quan hệ giữa sự thay đổi về lượng và sự thay đổi về chất theo quan điểm biện chứng thể hiện ở các nội dung sau.

Thứ nhất, sự thay đổi về lượng sẽ chuyển hóa thành (dẫn đến) sự thay đổi về chất khi lượng vượt quá độ, tức là đạt đến giới hạn lớn nhất hoặc nhỏ nhất (điểm nút). Trong trường hợp lượng của một chất nào đó thay đổi nhưng chưa đạt đến giới hạn lớn nhất hoặc nhỏ nhất thì chất đó chưa thay đổi. Bất kỳ chất A nào đó cũng có thể thay đổi (tức là cũng có thể trở nên không còn là A) khi lượng của A đạt giới hạn nhỏ nhất hoặc lớn nhất. Trong các tài liệu về phép biện chứng đã có nhiều ví dụ chứng minh cho quan điểm trên. Chúng ta có thể dễ dàng lấy thêm bất kỳ ví dụ nào khác (không loại trừ một ví dụ nào). Ví dụ thường được nói nhiều là mối quan hệ giữa sự thay đổi nhiệt độ (độ nóng) của nước với trạng thái lỏng của nước. Trong điều kiện áp suất bình thường khi nhiệt độ của nước đạt tới giới hạn 0 độ C hoặc 100 độ C thì nước không còn ở trạng thái lỏng, mà chuyển thành trạng thái không lỏng (thành hơi hoặc rắn). Tuy nhiên, về ví dụ này cần có sự giải thích thêm. Ở đây không chỉ có mối quan hệ giữa lượng của chất A với chất A, mà còn có mối quan hệ giữa lượng của chất A với nhiều chất khác; cụ thể ở đó không chỉ có mối quan hệ giữa mức độ nóng với nóng, mà còn có mối quan hệ giữa mức độ nóng với mức độ lỏng và mối quan hệ giữa mức độ lỏng với lỏng. Nóng và

không nóng, lỏng và không lỏng là 4 chất khác nhau. Tương tự sẽ có 4 loại lượng khác nhau là: các mức độ nóng, các mức độ không nóng, các mức độ lỏng, các mức độ không lỏng. Sự chuyển hóa về chất từ lỏng sang không lỏng có nguyên nhân trực tiếp từ sự thay đổi về mức độ lỏng. Khi mức độ lỏng đạt tới giới hạn thấp nhất (tương đương ở mức nóng 0 độ C) thì lỏng chuyển thành không lỏng (cụ thể thành rắn). Khi mức độ lỏng đạt tới giới hạn lớn nhất (tương đương nóng ở mức 100 độ C) thì lỏng chuyển thành không lỏng (cụ thể thành hơi). Sự chuyển hóa từ nóng sang không nóng có nguyên nhân từ sự thay đổi về các mức độ nóng. Khi mức độ nóng đạt tới giới hạn thấp nhất thì nóng chuyển thành không nóng (cụ thể thành lạnh). Nóng ngược với lạnh; lượng của nóng là các mức độ nóng. Nóng không thể ở mức 0 độ nóng vì mức 0 độ nóng đồng nghĩa với không nóng. Nếu coi 0 độ C là mức độ lạnh ít nhất, lớn hơn 0 độ C là các mức độ nóng, thì mức 0 độ nóng tương đương với 0 độ C. Sự chuyển hóa về chất từ nóng sang lạnh diễn ra khi mức độ nóng xuống mức thấp nhất (tương đương với 0 độ C). Sự chuyển hóa về chất từ lỏng sang không lỏng tuy có nguyên nhân trực tiếp từ sự thay đổi về mức độ lỏng, nhưng lại có nguyên nhân gián tiếp từ sự thay đổi về mức độ nóng. Sự thay đổi về mức độ nóng sẽ dẫn đến sự thay đổi về mức độ lỏng, sự thay đổi về mức độ lỏng sẽ dẫn đến sự thay đổi về chất từ lỏng sang không lỏng. Công thức chung là: sự thay đổi về lượng của chất A không chỉ dẫn đến sự thay đổi của chất A, mà còn dẫn đến sự thay đổi về lượng của chất B, sự thay đổi về lượng của chất B dẫn đến sự thay đổi của chất B.

Trên đây là một ví dụ về tác động của sự thay đổi về lượng đến sự thay đổi về chất. Khi xét tác động của sự thay đổi về lượng đối với sự thay đổi về chất thì không chỉ cần xét sự thay đổi của một hay hai chất, mà cần xét sự thay đổi của nhiều chất. Ví dụ, có một bình chứa khí do quá nóng mà bị vỡ (hay bị nổ). Cơ chế ở đây là: mức độ nóng tăng dần đến mức độ nén (áp suất) của khí tăng, mức độ nén của khí tăng dần đến mức độ bền (chịu đựng) của thành bình giảm, mức độ bền của thành bình giảm đến mức độ giới hạn nào đó sẽ làm cho bình chứa khí đó thay đổi về chất từ bền thành không bền (từ không vỡ thành vỡ). Công thức chung là: sự thay đổi về lượng của chất A không chỉ dẫn đến sự thay đổi của chất A, mà còn dẫn đến sự thay đổi về lượng của chất B, sự thay đổi về lượng của chất B dẫn đến sự thay đổi về lượng của chất C, sự thay đổi về lượng của chất C dẫn đến sự thay đổi của chất C.

Thứ hai, sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về lượng. Nội dung của quan điểm cho rằng sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về lượng ít được tác giả đề cập khi trình bày quy luật lượng-chất. Ph.Ăngghen gọi tên quy luật lượng-chất là “quy luật về sự chuyển hóa từ số lượng thành chất lượng và ngược lại” [2, tr.510]. Tuy nhiên, trong mục “Phép biện chứng. Lượng và chất” của tác phẩm *Chống Duyrinh* và “Phép biện chứng” của tác phẩm *Biện chứng của tự nhiên*, khi trình bày nội dung của quy luật lượng-chất Ph.Ăngghen chỉ giải thích sự thay đổi về lượng sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về chất như thế nào, mà không giải thích cụ thể sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành

sự thay đổi về lượng như thế nào [2, tr.510 - 518, 171 - 184]. C.Mác khi nói quy luật lượng-chất có lần không nói đến từ “ngược lại”. Cụ thể C.Mác viết rằng: “Ở đây cũng như trong khoa học tự nhiên, tính chất đúng đắn của cái quy luật do Hê-ghephen phát hiện trong cuốn “Lô-gích học” của ông ta cũng *được xác minh*, quy luật đó là: những thay đổi đơn thuần về lượng, đến một mức độ nhất định, sẽ chuyển hóa thành những sự khác nhau về chất” [2, tr.179]. Trong cuốn *Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*, J.Stalin phân tích quy luật lượng-chất chỉ ở chiều từ sự thay đổi về lượng dẫn đến sự thay đổi về chất, mà không phân tích quy luật đó ở chiều ngược lại [6, tr.9 - 11]. Chiều từ sự thay đổi về chất đến sự thay đổi về lượng trong quy luật lượng-chất được đề cập chủ yếu trong các sách giáo khoa về phép biện chứng.

Một số tác giả cho rằng sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về lượng có nghĩa là cho rằng: “Chất mới của sự vật ra đời sẽ tác động trở lại lượng của sự vật. Sự tác động ấy thể hiện: chất mới có thể làm thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ, nhịp điệu của sự vận động và phát triển của sự vật”. Ví dụ được đưa ra để minh chứng là: “Chẳng hạn, khi sinh viên vượt qua điểm nút là kỳ thi tốt nghiệp, tức cũng là thực hiện bước nhảy, sinh viên sẽ được nhận bằng cử nhân. Trình độ văn hóa của sinh viên cao hơn trước và sẽ tạo điều kiện cho họ thay đổi kết cấu, quy mô, trình độ tri thức, giúp họ tiến lên trình độ cao hơn. Cũng giống như vậy, khi nước từ trạng thái lỏng sang trạng thái hơi thì vận tốc của các phân tử cao hơn, thể tích của nước ở trạng thái hơi sẽ lớn hơn thể tích của nó ở trạng

thái lỏng với cùng một khối lượng, tính chất hòa tan của nó cũng khác đi, v.v.” [1, tr.238]. Cách giải thích như trên chưa phải là rõ ràng và chưa đơn giản.

Chiều ngược lại trong mối quan hệ giữa sự thay đổi về lượng và sự thay đổi về chất cần được giải thích đơn giản hơn. Theo đó, cho rằng sự thay đổi về chất sẽ chuyển hóa thành sự thay đổi về lượng có nghĩa là cho rằng, khi một chất nào đó mất đi thì lượng của chất đó mất đi, khi chất A chuyển hóa thành chất B thì lượng của chất A sẽ chuyển hóa thành lượng của chất B. Do chất và lượng thống nhất với nhau nên khi chất A thay đổi sang chất B thì lượng của chất A đương nhiên cũng chuyển hóa thành lượng của chất B. Ví dụ, khi một sự vật chuyển từ nóng thành lạnh thì lượng của nóng sẽ chuyển hóa thành lượng của lạnh; hoặc khi một sự vật chuyển từ sáng thành tối thì lượng của sáng sẽ chuyển hóa thành lượng của tối. Tương tự như vậy, khi một sự vật thay đổi từ lỏng thành hơi thì chỉ số đo các mức độ của chất lỏng sẽ chuyển thành chỉ số đo các mức độ của hơi. Hoặc khi một người thay đổi từ sinh viên thành cử nhân thì chỉ số đo các mức độ của chất sinh viên sẽ chuyển thành chỉ số đo các mức độ của chất cử nhân.

5. Kết luận

Nhận thức về một sự vật nào đó là nhận thức về chất (hay xác định chất, gọi tắt là định chất hay định tính) và nhận thức về lượng (hay xác định lượng, gọi tắt là định lượng) của nó. Định chất và định lượng là hai thao tác khác nhau của hoạt động nhận thức ở mọi lĩnh vực. Tùy từng đối tượng và

mục đích cần nhận thức mà người ta có thể sử dụng một trong hai hay cả hai thao tác đó. Trong nhận thức tự nhiên, thao tác định lượng được sử dụng phổ biến cùng với thao tác định chất. Trong nhận thức xã hội thao tác định lượng tuy không được sử dụng phổ biến như trong nhận thức tự nhiên nhưng ngày càng được sử dụng nhiều hơn. Ví dụ, khi nói rằng một quốc gia nào đó là dân chủ, hạnh phúc, giàu có, người ta còn nói cả chỉ số về dân chủ, hạnh phúc, giàu có, bất bình đẳng của quốc gia ấy. Để thực hiện thao tác xác định chất và xác định lượng đúng đắn thì cần dựa trên một cơ sở lý luận đúng đắn. Cơ sở đó chính là quan điểm biện chứng về chất và lượng. Quan điểm này có nội dung đơn giản. Ai cũng có thể dễ dàng nhận thức và vận dụng quan điểm ấy trong hoạt động nhận thức của mình.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác - Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [2] C.Mác, Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [3] W.G.Hegen (2014), *Lôgic học*, Nxb Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
- [4] Cung Thị Ngọc (2016), “ Tư tưởng biện chứng của Lão Tử về tự nhiên”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 6.
- [5] J.Stalin (1972), *Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [6] M.M. Rodentan (Chủ biên) (1986), *Từ điển Triết học*, Nxb Tiến bộ, Matxcova.

